TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2023/DS-PT
Ngày: 30/5/2023

V/v tranh chấp: "Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Hải.**

Các Thẩm phán: Bà **Lê Thị Hồng Tâm.**

Ông **Trần Hữu Tính.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Phong**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Thanh Bạch**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp "Đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DSST ngày 15 tháng 2 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 593/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 450/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn D**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: số 04, đường 25A, Phường B, Quận B, Thành Phố H.

* Bị đơn: 1/ Bà **Phạm Thị Mỹ L**, sinh năm 1964.

2/ Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ông Huỳnh Văn L ủy quyền cho bà Phạm Thị Mỹ L.

* *Người kháng cáo:* N*guyên đơn* ***Phạm Văn D***

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06/10/2022 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn D trình bày:

Vào khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2016 ông D có tham gia 03 dây hụi do vợ chồng bà L và ông L làm đầu thảo hụi (01 dây hụi 50.000.000 đồng; 01 dây hụi 20.000.000 đồng; 01 dây 10.000.000 đồng), do 03 dây hụi này ông D hốt chót, tổng cộng số tiền hốt hụi 03 dây là 1.400.000.000 đồng. Nhưng vợ chồng bà L và ông L hỏi vay lại số tiền này và trả lãi 1,5%, có nhận lãi khoảng 03 tháng thì ngưng cho đến nay.

Nay ông D yêu cầu bà L trả số tiền 1.400.000.000 đồng, trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo đơn kiện ngày 06/10/2022 ông D có yêu cầu ông L là chồng bà L liên đới trả nợ; yêu cầu bà L trả lãi chậm trả tính từ ngày 21/3/2016 cho đến ngày xét xử với số tiền 1.400.000.000 đồng x 0,5% x 83 tháng = 581.000.000 đồng. Tại tòa sơ thẩm, ông D xin rút lại không yêu cầu ông L là chồng bà L liên đới trả nợ; không yêu cầu bà L trả lãi chậm trả tính từ ngày 21/3/2016 cho đến ngày xét xử với số tiền 581.000.000 đồng.

* Tại bản tự khai ngày 05/01/2023 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L trình bày:

Bà L làm đầu thảo hụi ông D có tham gia chơi hụi từ năm 2011 đến năm 2016. Tổng cộng, ông D có tham gia chơi hụi của bà L trên 10 dây hụi, nhưng các dây hụi ông D tham gia chơi ông D đều hốt chót, đã giao các dây hụi cho ông D, chỉ còn lại 03 dây hụi chưa giao số tiền 1.400.000.000 đồng, nhưng ông D chưa nhận mà để lại số tiền này cho bà L hùn nếu có hụi viên nào ra hụi thì đưa cho hụi viên đó, còn tiền lãi chia ông D 07 phần, còn bà L 03 phần, mỗi lần đều giao lãi có ghi vào sổ hụi của bà L đầy đủ.

Nay bà L đồng ý trả cho ông D số tiền 1.400.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng 03 năm sau mới bắt đầu trả.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phạm Thị Mỹ L là đại diện ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Văn L trình bày:

Ông L là chồng của bà L việc bà L tham gia làm đầu thảo hụi thì ông L không có tham gia chung, số tiền nợ ông D thì bà L sử dụng để ra hụi cho các hụi viên khác chứ không sử dụng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Do đó, nay ông L không đồng ý trả số tiền 1.400.000.000 đồng cho ông D cùng với bà Lệ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DSST ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 166, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Phạm Văn D về việc không yêu cầu ông Huỳnh Văn L liên đới cùng với bà Phạm Thị Mỹ L trả số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) cho ông D; Không yêu cầu bà

Phạm Thị Mỹ L trả lãi chậm trả tính từ ngày 21/3/2016 cho đến ngày xét xử với số tiền 581.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi mốt triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D.

Buộc bà Phạm Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn D số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Mỹ L phải chịu 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Do ông Phạm Văn D có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, vì ông là người cao tuổi được Tòa án chấp nhận miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, nên không có hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông D theo quy định.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

** Ngày 28/02/2023 nguyên đơn Phạm Văn D có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn Phạm Thị Mỹ L, Huỳnh Văn L liên đới trả cho ông số tiền lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Việc rút yêu cầu của ông D tại phiên tòa sơ thẩm là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, đồng thời từ khi bà L không trã lãi đến nay đã 07 năm nhưng ông D không khởi kiện nên đã hết thời hiệu khởi kiện giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm. Vì vậy, việc ông D kháng cáo yêu cầu vợ chồng bà L, ông L trả lãi chậm trả đối với số tiền 1.400.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án số 21/2023/DS-ST ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp" Đòi tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn D đúng theo quy định tại điều 270 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Phạm Văn D về việc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Huỳnh L liên đới trả lãi cho ông D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nguyên đơn ông D yêu cầu bà L và ông L liên đới trả số tiền 1.400.000.000 đồng, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật nhưng phía ông D không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc ông L và bà L cùng nhau vay lại số tiền 1.400.000.000 đồng như ông trình bày. Việc bà L giữ số tiền hụi lại là thỏa thuận giữa ông D và bà L nhằm mục đích cho vay và mua lại các dây hụi khi các thành viên trong dây hụi có nhu cầu bán để kiếm lãi. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông D yêu cầu ông L liên đới cùng bà L trả nợ là không có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo yêu cầu bà L trả tiền lãi với số tiền là 581.000.000 đồng, do tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu tính lãi của ông D. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa các bên bà L đóng lãi cho ông D 03 tháng rồi ngưng không thực hiện đóng lãi từ tháng 7/2016 cho đến nay. Vì vậy căn cứ vào Điều 429 đã hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự nên yêu cầu tính lãi của ông D là không có căn cứ.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được xem xét chấp nhận.

[4] Về án phí:Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm nhưng nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn D .

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 21/2023/DS-ST ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 166, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 272, 273, 429 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Phạm Văn D về việc không yêu cầu ông Huỳnh Văn L liên đới cùng với bà Phạm Thị Mỹ L trả số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) cho ông Dư; Không yêu cầu bà Phạm Thị Mỹ L trả lãi chậm trả tính từ ngày 21/3/2016 cho đến ngày xét xử với số tiền 581.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi mốt triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D.

Buộc bà Phạm Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn D số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự:

Bà Phạm Thị Mỹ L phải chịu 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Do ông Phạm Văn D có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, vì ông là người cao tuổi được Tòa án chấp nhận miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm nên không có hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông D theo quy định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

DSPT-2023- Hải

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Hải